

**Công ty Liên doanh Quản lý Đầu tư
BIDV-Vietnam Partners**

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2011

Công ty Liên doanh Quản lý Đầu tư BIDV-Vietnam Partners
Thông tin về Công ty

**Giấy phép Thành lập và
Hoạt động số**

01/GP-QLĐT

ngày 6 tháng 1 năm 2006

Giấy phép Thành lập và Hoạt động do Bộ Tài chính cấp và có giá trị trong 50 năm.

Hội đồng Quản trị

James W. Lewis

Nguyễn Khắc Thân

Lê Đào Nguyên

Bradley C. LaLonde

Võ Bích Hà

Chủ tịch

Phó Chủ tịch

(Đến ngày 8 tháng 6 năm 2011)

Phó Chủ tịch

(Từ ngày 8 tháng 6 năm 2011)

Thành viên

Thành viên

Ban Giám đốc

Nguyễn Nhân Nghĩa

Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Tầng 10, Tòa tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Đơn vị kiểm toán

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam



KPMG Limited
16th Floor, Pacific Place
83B Ly Thuong Kiet Street
Hoan Kiem District, Hanoi
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone + 84 (4) 3946 1600
Fax + 84 (4) 3946 1601
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các nhà đầu tư

Công ty Liên doanh Quản lý Đầu tư BIDV-Vietnam Partners

Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán đính kèm của Công ty Liên doanh Quản lý Đầu tư BIDV-Vietnam Partners (“Công ty”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo, được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 26 tháng 3 năm 2012. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thuyết minh trong báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Liên doanh Quản lý Đầu tư BIDV-Vietnam Partners tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với Quyết định số 62/2005/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2005 của Bộ Tài chính về việc Ban hành chế độ kế toán áp dụng cho Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy chứng nhận đầu tư số: 011043000345

Báo cáo kiểm toán số: 11-02-185



Nguyễn Thủy Dương
Chứng chỉ kiểm toán viên số 0893/KTV
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, 26-03-2012

Nguyễn Minh Hiếu
Chứng chỉ kiểm toán viên số N.1572/KTV

Công ty Liên doanh Quản lý Đầu tư BIDV-Vietnam Partners
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011 VND'000	31/12/2010 VND'000
TÀI SẢN				
A- Tài sản ngắn hạn	100		38.173.075	34.156.711
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3	11.335.563	14.767.264
1. Tiền mặt tại quỹ	111		301.407	436.954
2. Tiền gửi ngân hàng	112		11.034.156	14.330.310
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		25.204.440	18.820.360
2. Các khoản đầu tư ngắn hạn khác	122	4	25.204.440	18.820.360
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.282.859	269.832
2. Các khoản phải thu khác	134	5	1.282.859	269.832
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		350.213	299.255
2. Tài sản ngắn hạn khác	152	6	350.213	299.255
B- Tài sản cố định và các khoản đầu tư dài hạn	200		1.656.731	5.455.173
I. Tài sản cố định	210		230.776	284.729
1. Tài sản cố định hữu hình	211	7	230.776	284.729
<i>Nguyên giá</i>	212		1.772.911	1.688.443
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	213		(1.542.135)	(1.403.714)
II. Tài sản dài hạn khác	260		1.425.955	5.170.444
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	8	809.067	4.553.556
2. Tài sản dài hạn khác	263		616.888	616.888
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		39.829.806	39.611.884

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Công ty Liên doanh Quản lý Đầu tư BIDV-Vietnam Partners
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011 VND'000	31/12/2010 VND'000
NGUỒN VỐN				
A- Nợ phải trả	300		3.876.798	4.271.421
I- Nợ ngắn hạn	310	9	3.368.494	3.758.620
2. Phải trả người bán	312		1.590.588	1.425.969
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		354.215	1.180.619
4. Phải trả công nhân viên	314		845.521	1.000.849
5. Chi phí phải trả	315		509.469	-
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	317		68.701	151.183
II. Nợ dài hạn	340		508.304	512.801
1. Dự phòng trợ cấp thôi việc	341	9,11	508.304	512.801
B- Vốn chủ sở hữu	400		35.953.008	35.340.463
I- Vốn chủ sở hữu	410		35.953.008	35.340.463
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	12	25.000.000	25.000.000
7. Lợi nhuận chưa phân phối	417		10.953.008	10.340.463
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	430		39.829.806	39.611.884

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Mã số	2011 VND'000	2010 VND'000
Ngoại tệ các loại	004	20.706.044	18.508.474

Người lập:



Nguyễn Thiệu Sơn
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Nhân Nghĩa
Tổng Giám đốc

26 -03- 2012

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Công ty Liên doanh Quản lý Đầu tư BIDV-Vietnam Partners

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

	Mã số	Thuyết minh	2011 VND'000	2010 VND'000
1. Doanh thu hoạt động kinh doanh	01	13	23.027.927	29.849.572
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần	10	13	23.027.927	29.849.572
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	14	(12.423.537)	(14.593.669)
5. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	12		10.604.390	15.255.903
6. Doanh thu hoạt động tài chính	13	15	3.808.625	2.766.518
7. Chi phí tài chính	14	16	(170.768)	(90.881)
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	16	17	(6.204.898)	(9.467.809)
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	20		8.037.349	8.463.731
10. Thu nhập khác			-	57.654
11. Chi phí khác			-	(372.307)
12. Kết quả từ các hoạt động khác			-	(314.653)
13. Lợi nhuận trước thuế			8.037.349	8.149.078
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	21	18	(1.424.804)	(1.076.581)
15. Lợi nhuận thuần sau thuế			6.612.545	7.072.497

Người lập:



Nguyễn Thiệu Sơn
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Nhân Nghĩa
Tổng Giám đốc

26 -03- 2012

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Công ty Liên doanh Quản lý Đầu tư BIDV-Vietnam Partners

Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

	Vốn góp VND'000	Lợi nhuận chưa phân phối VND'000	Tổng cộng VND'000
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2010	25.000.000	7.267.966	32.267.966
Lợi nhuận thuần trong năm	-	7.072.497	7.072.497
Phân chia lợi nhuận	-	(4.000.000)	(4.000.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2011	25.000.000	10.340.463	35.340.463
Lợi nhuận thuần trong năm	-	6.612.545	6.612.545
Phân chia lợi nhuận	-	(6.000.000)	(6.000.000)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	25.000.000	10.953.008	35.953.008

Người lập:



Nguyễn Thiệu Sơn
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Nhân Nghĩa
Tổng Giám đốc

26 -03- 2012

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Công ty Liên doanh Quản lý Đầu tư BIDV-Vietnam Partners
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

	Mã số	Thuyết minh	2011 VND'000	2010 VND'000
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Tiền thu từ phí quản lý quỹ	01		22.139.851	29.849.572
Tiền nộp thuế	08		(1.946.265)	(843.020)
Tiền trả cho cán bộ công nhân viên	09		(4.842.708)	(11.616.916)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	11		(9.997.705)	(12.740.746)
Tiền thuần thu từ các hoạt động kinh doanh	30		5.353.173	4.648.890
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền thanh toán mua sắm tài sản cố định	31		(84.468)	-
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	32		-	23.909
Tiền thu lãi tiền gửi	37		1.849.716	1.802.386
Tiền (thanh toán)/ thu từ các hoạt động đầu tư khác	39		(5.000.040)	5.142.995
Tiền thuần (sử dụng)/ thu từ các hoạt động đầu tư	40		(3.234.792)	6.969.290
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Phân chia lợi nhuận cho các nhà đầu tư			(6.000.000)	(4.000.000)
Tiền thuần chi cho các hoạt động tài chính	50		(6.000.000)	(4.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	60		(3.881.619)	7.618.180
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm			14.767.264	6.517.195
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	70		449.918	631.889
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	90	3	11.335.563	14.767.264

Người lập:



Nguyễn Thiệu Sơn
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Nhân Nghĩa
Tổng Giám đốc

26 -03- 2012

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này